

QUAN HỆ PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

■ ThS. TRẦN NGHỊ (*)

1. Quan hệ pháp luật và đạo đức:

Theo phong cách riêng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh không đưa ra định nghĩa trực tiếp về đạo đức mà sử dụng cách đối lập giữa các sự việc, hiện tượng để nêu khái niệm đạo đức: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”⁽¹⁾...

Người lấy sự đối lập giữa *chủ nghĩa tập thể* với *chủ nghĩa cá nhân* để định nghĩa đạo đức cách mạng:

Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, *giữ vững kỷ luật Đảng, thực lực đường lối, chính sách của Đảng.*

Đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lao động lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân...⁽²⁾

Người lấy sự *thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ* của công dân để định nghĩa đạo đức công dân: “Tuân theo pháp luật nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số..., hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc”⁽³⁾.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức có nguồn gốc từ đấu tranh xã hội, phục vụ yêu cầu của cuộc sống con người: vì lẽ sinh tồn, cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức... Quan điểm này vừa xác định tính giai

cấp của đạo đức, vừa nói lên vai trò của đạo đức như là một công cụ phục vụ đấu tranh sinh tồn của nhân loại nhằm thực hiện và bảo vệ lợi ích của họ.

Mối quan hệ pháp luật và đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ những định đề sau:

Thứ nhất, hệ quy chiếu được Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng là cặp phạm trù lợi – hại. Theo đó, Người quan niệm tuy pháp luật và đạo đức đều nhằm mục đích thể hiện, thực hiện và bảo vệ lợi ích con người nhưng vấn đề quan trọng là ở chỗ pháp luật và đạo đức đem lại lợi ích cho ai, cho số đông hay số ít giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Như đã nêu, Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy việc đặt quyền lợi của tập thể (chủ nghĩa tập thể) lên trên lợi ích cá nhân (chủ nghĩa cá nhân) để định nghĩa đạo đức cách mạng; lấy sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của công dân để định nghĩa đạo đức công dân. Đối với pháp luật, Người lấy việc pháp luật bảo vệ quyền, lợi ích của đa số hay thiểu số giai cấp, tầng lớp trong xã hội để làm căn cứ phân định bản chất của pháp luật cũ và pháp luật xã hội chủ nghĩa: “Luật pháp cũ... chỉ có lợi cho thực dân, phong kiến...”, “Pháp luật của ta hiện nay bảo vệ quyền lợi của hàng triệu người lao động”⁽⁴⁾. Trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n cũng chỉ rõ: “Luật pháp, đạo đức, tôn giáo đều bị người vô sản coi là thành kiến tư sản che dấu những lợi ích tư sản”⁽⁵⁾.

Thứ hai, trên cơ sở lấy lợi – hại làm hệ quy chiếu, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra quy luật

(*) Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ

chung của các kiểu pháp luật cũ là giai cấp thống trị bao giờ cũng sử dụng đồng thời pháp luật và đạo đức (kết hợp pháp luật và đạo đức) trong quản lý xã hội nhằm đem lại quyền và lợi ích nhiều hơn cho giai cấp thống trị, đồng thời tăng nghĩa vụ và rút bớt lợi ích của giai cấp bị trị. Người chỉ ra bản chất của sự kết hợp pháp luật và đạo đức trong các nhà nước trước đây là dùng đạo đức để che giấu bản chất giai cấp của pháp luật: “Nếu để nó (pháp luật) đứng một mình thì bộ mặt áp bức của nó lộ rõ quá”⁽⁶⁾, kết hợp pháp luật với đạo đức là nghệ thuật của quyền lực chính trị: “Luật pháp dựa vào đạo đức, mặt khác luật pháp bảo vệ đạo đức”⁽⁷⁾. Người lấy dẫn chứng pháp luật phong kiến và pháp luật tư sản đều dựa vào và bảo vệ đạo đức phong kiến, đạo đức tư sản để nhấn mạnh pháp luật và đạo đức đều là vũ khí của sự thống trị giai cấp, biểu hiện ra thành các thủ đoạn đàn áp và xoa dịu; lừa bịp và bóc lột.

Thứ ba, từ nhận thức, nắm bắt được quy luật chung, trên cơ sở nghiên cứu đường lối trị nước bằng pháp luật (pháp trị) và bằng đạo đức (đức trị, nhân trị) phương Đông và phương Tây, đối chiếu với thực tiễn Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng Nhà nước Việt Nam cũng phải sử dụng quy luật kết hợp pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội: “*Những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lê-nin*”⁽⁸⁾. Luận điểm này có thể xem như cơ sở lý luận và khoa học của sự kết hợp pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội của Nhà nước Việt Nam.

Thứ tư, nhận thức về pháp luật và đạo đức cũng như mối quan hệ, sự kết hợp giữa chúng, chính là nhận thức về con người và quan hệ giữa con người với nhau trong việc phân bổ lợi ích. Con người trong xã hội có giai cấp luôn thuộc về một giai cấp nhất định, lợi ích của họ luôn gắn bó chặt chẽ với lợi ích giai cấp của họ... Đến lượt mình, bản chất con người – giai cấp quyết định bản chất của pháp luật và đạo đức, nghĩa là lợi ích sẽ thuộc về số đông hay số

ít trong xã hội. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó chính là vấn đề “ở đời và làm người”. “Ở đời và làm người” quyết định mục đích, nội dung và bản chất của pháp luật và đạo đức, cũng như sự kết hợp chúng trong quản lý xã hội của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Theo Người: “ở đời và làm người phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức”⁽⁹⁾. Khi con người – giai cấp một lòng một dạ vì nước, vì dân, vì nhân loại thì pháp luật và đạo đức không còn là công cụ để thực hiện thống trị giai cấp mà là vũ khí để giải phóng con người, giai cấp, dân tộc, nhân loại khỏi áp bức và bất công.

2. Yêu cầu của quan hệ pháp luật và đạo đức

2.1. Pháp luật phải dựa trên đạo đức

Khác với pháp luật phong kiến và pháp luật tư sản “cho pháp luật dựa vào đạo đức” để che giấu bản chất giai cấp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương pháp luật phải dựa trên nền đạo đức thì mới thuyết phục được đa số nhân dân tự giác thực hiện và ủng hộ. Người cho rằng pháp luật phải ghi nhận và đảm bảo thực hiện nguyện vọng, lợi ích của nhân dân, đồng thời phải phù hợp với đạo đức xã hội. Đó là điều kiện quyết định sự thành công trong lãnh đạo dân chúng của Chính phủ: “*Đạo nghĩa là chính sách của Chính phủ đối với dân chúng. Chính sách này phải hợp với nguyện vọng và quyền lợi của dân chúng. Đối với dân, Chính phủ phải thi hành một nền chính trị liêm khiết như cải thiện đời sống của nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa v.v.. Có như thế dân chúng mới đoàn kết chung quanh Chính phủ, vì quyền lợi thiết thân của mình mà hy sinh sống chết đánh giặc*”⁽¹⁰⁾.

Bàn về mối quan hệ pháp luật và đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ông Vũ Đình Hòe – nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp khẳng định: “*ở Hồ Chí Minh, đạo đức là gốc... Trong cái nhất thể pháp luật và đạo đức thì thiện, đức có trước và là gốc của lệ, luật; mà xét về công dụng thì đạo đức gây men sống... Đạo đức của Bác, pháp lý của Bác đều xuất phát từ gốc “chí công vô tư” và đều nhằm mục đích “chí công vô tư”...*

đó là nét độc đáo nhất trong mối quan hệ hữu cơ giữa đạo đức và pháp lý mà Bác Hồ dạy cho chúng ta"⁽¹¹⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định đạo đức cách mạng là cái gốc, cái nền tảng, là sức mạnh của người cách mạng: "Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang", là "làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới". Người cho rằng muốn hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin thì trước hết phải hiểu và hành động theo truyền thống đạo đức: "Hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa" và "lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau, đó là cách tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin thiết thực nhất"⁽¹²⁾.

2.2. Pháp luật là chuẩn của đạo đức

Đây chính là biểu hiện của "pháp luật bảo vệ đạo đức". Pháp luật và đạo đức đều là những chuẩn mực giá trị định hướng cho hành động của con người. Đạo đức là nền thì pháp luật đảm bảo cho chuẩn mực đạo đức được thực hiện và bảo vệ nếu bị vi phạm. Chuẩn mực cao nhất của đạo đức phong kiến là tôn quân (vua) tuyệt đối thì vua có quyền tuyệt đối, kể cả quyền đứng trên pháp luật và giết vua là tội nặng nhất trong pháp luật phong kiến. Khi nêu lên chuẩn mực của đạo đức cách mạng là "trung với nước", Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ chuẩn về pháp luật của "trung với nước" là: "Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng", ngược lại "thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử" (Quốc lệnh 1946). Cũng theo ông Vũ Đình Hòe: "Đối với Bác, có đạo đức là để hành động. Hành động thì phải có chuẩn đích rõ ràng, phải có kỷ luật thúc đẩy. Cho nên, nếu đạo đức là gốc của pháp lý, thì pháp lý là chuẩn của đạo đức... để cho mọi người thấy được rõ ràng mà noi theo và bắt buộc phải noi theo"⁽¹³⁾.

2.3. Gắn bó chặt chẽ, bổ sung cho nhau

Bản chất của sự kết hợp pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội của nhà nước chính là phát huy thế mạnh và khắc phục hạn chế của hai công cụ pháp luật và đạo đức. Ở phương

Tây có câu thành ngữ "Cuộc đi săn không đáng sợ bằng lúc chia phần", cho thấy phương Tây đề cao pháp luật hơn đạo đức, kết quả là xã hội nhiều luật nhưng đạo đức thì ít đến tối thiểu, ngay cả hôn nhân cũng là kết quả của những tính toán về lợi ích. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên", Người đã đưa ra lời giải đúng đắn cho vấn đề kết hợp pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội mà phương Tây đến nay vẫn chưa thực hiện được.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rõ pháp luật là rất cần thiết để nhanh chóng đưa xã hội đi vào ổn định. Người chỉ đạo xây dựng Hiến pháp và ban hành các sắc lệnh để quản lý xã hội. Và, trong khi pháp luật mới chưa kịp ban hành, Người chủ trương giữ lại những luật lệ cũ có thể sử dụng được cho chế độ mới. Đồng thời, Người gửi thư cho ủy ban nhân dân các cấp, yêu cầu cán bộ không được phép thực hiện những hành vi trái đạo đức và pháp luật như cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo... Người nhấn mạnh, nếu cán bộ không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung. Biểu hiện đầu tiên của kết hợp pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội là nhà nước phải đồng thời ban hành pháp luật mới và xây dựng đạo đức mới. Thứ hai là phải tuyên truyền, giáo dục pháp luật và rèn luyện, tu dưỡng đạo đức. Hai công việc này phải tiến hành đồng thời mới có hiệu quả tốt cho xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "*Công bố đạo luật... chưa phải đã là xong, mà còn phải tuyên truyền, giáo dục lâu dài mới có hiệu quả*" và "*Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Mà do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà có*"⁽¹⁴⁾... Người cho rằng giáo dục, rèn luyện và thực hành đạo đức là điều kiện cần để xã hội đi vào trật tự ổn định: "*Mỗi ngày cố làm một việc lợi cho nước (lợi cho nước tức là lợi cho mình), dù là việc nhỏ, thì một năm ta làm được 365 việc. Nhiều lợi nhỏ cộng thành lợi to. Cả 20 triệu đồng bào đều làm như vậy, thì nước ta nhất định mau giàu, dân ta nhất định được nhiều*

hạnh phúc" ⁽¹⁵⁾; "Muốn cải tạo xã hội thì lòng mình phải cải tạo. Nếu lòng mình không cải tạo thì đừng nói đến cải tạo xã hội" ⁽¹⁶⁾. Vai trò của pháp luật đối với đạo đức, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh trước hết là đảm bảo thực hiện đạo đức: "Để thực hiện chữ Liêm, trước hết phải có tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật từ trên xuống, từ dưới lên trên". Nếu đạo đức bị xâm hại thì pháp luật cũng bị vi phạm: "Do bất liêm mà đi đến tội ác, trộm cắp", khi đó pháp luật thể hiện vai trò không thể thay thế trong việc đưa xã hội trở lại ổn định, đồng thời khôi phục, bảo vệ đạo đức: "Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm" ⁽¹⁷⁾. Như vậy Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định pháp luật và đạo đức thống nhất với nhau cùng thực hiện chức năng quản lý xã hội của nhà nước, thống nhất nhưng không đồng nhất □

Ghi chú:

(1), (10) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia (CTQG), Hà Nội, 2000, tr.199, tr.227

(2), (3), (15), (17) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr.285, tr.425, tr.645, tr.641.

(4), (9) Hồ Chí Minh, Nhà nước và Pháp Luật, Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1985, tr.185, 187

(5) C.Mác – F. Ăngghen, tuyển tập, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 555

(6) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr.185

(7) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr.186

(8), (16) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr.454, tr.293

(11), (13) Vũ Đình Hòa, Pháp quyền nhân nghĩa, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001, tr.334, 488

(12) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 12, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr.554

(14) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr.293.

ĐƯA CUỘC VẬN ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 20)

Trong quá trình học tập, có thảo luận, liên hệ, đề ra chương trình hành động cụ thể của mỗi tổ chức, mỗi cá nhân, phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức và tiến hành đại hội đảng các cấp.

Hình thức tiến hành:

– Tổ chức để tất cả các tổ chức cơ sở đảng nghe giới thiệu chủ đề trên.

– Cơ quan, đơn vị thảo luận, liên hệ (lấy chi bộ, đảng bộ cơ sở làm đơn vị học tập, thảo luận).

– Triển khai học tập tại các đảng bộ cơ sở xong trước ngày 30/4/2010.

c. Tổ chức kiểm tra định kỳ thực hiện Cuộc vận động

Ban chỉ đạo Cuộc vận động của Bộ giao cho Thường trực Ban chỉ đạo phối hợp với các Ban tham mưu của Đảng ủy Bộ định kỳ kiểm tra đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm kịp thời để chỉ đạo thống nhất thực hiện ở các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, báo cáo Ban Chỉ đạo theo quy định.

Ban Chỉ đạo Cuộc vận động ở các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng kế hoạch kiểm tra trong đơn vị mình và báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo Cuộc vận động của Bộ.

d. Tổng kết năm 2010, sơ kết 4 năm (2007–2010) và xây dựng kế hoạch thực hiện Cuộc vận động đến năm 2011

Tổng kết thực hiện Cuộc vận động năm 2010, xây dựng kế hoạch thực hiện Cuộc vận động năm 2011 được kết hợp với sơ kết 4 năm thực hiện Cuộc vận động. Tổng kết, rút kinh nghiệm qua tổ chức thực hiện Cuộc vận động ở đơn vị cơ sở, kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Cuộc vận động.

Dự kiến về thời gian:

– Các đơn vị trực thuộc Bộ tiến hành sơ kết, tổng kết vào tháng 10 năm 2010.

– Hội nghị sơ kết, tổng kết của Bộ tiến hành vào tháng 12 năm 2010" □